

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2022/DSST

Ngày: 27-9 -2022

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*

.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận;

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019; về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Thông báo dời lịch xét xử số: 11/TB -TA ngày 28 tháng 7 năm 2022, Thông báo dời lịch xét xử số: 13/TB –TA ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1957; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962; Ông Triệu Quang T, sinh năm 1957; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn v, sinh năm 1967; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Lê Thị T E, sinh năm 1975; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Triệu Thị YL, sinh năm 2001; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Ông Đỗ Thành C, sinh năm 1961; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Anh Trần Vũ Th, sinh năm 2002; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
6. Anh Đỗ Hoàng H, sinh năm 1992; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Anh Đỗ Minh Ph, sinh năm 1987; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

8. Chị Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1985; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nhon H, xã Tân H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà có diện tích đất 2.030m², thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị D đại diện Hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liên ranh đất với bà là đất của bà Huỳnh Thị L (bà L chết năm 2016) có diện tích 340m² thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 7 do bà Huỳnh Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này bà L đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T vào năm 2000 sử dụng cho đến nay chưa làm thủ tục sang tên.

Vào ngày 09/8/2019 khi Đoàn cưỡng chế thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đến thi hành theo bản án số: 14/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 giữa bà và bà Nguyễn Thị Th. Sau khi Đoàn cưỡng chế thi hành án thi hành cưa cây dừa xong và cùng chính quyền địa phương có chứng kiến cho bà cạy trụ đá kéo lưới B40 làm hàng rào ranh giữa bà và bà Th như hai bên đã thỏa thuận, nhưng sau khi Đoàn cưỡng chế thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần ra về thì bà Th đến xô trụ đá và kéo theo hàng rào lưới B40 bị ngã làm hư hỏng nặng đến nay không còn giá trị sử dụng. Đồng thời bà Th còn dùng trụ đá lấn chiếm qua đất của bà đầu trên 0,9m, đầu dưới 1,3m tổng cộng bằng 15,95m² (thực đo bằng 13.7m²).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T cùng con là Triệu Thị YL phải trả lại cho bà diện tích đất đã lấn chiếm thực đo bằng 13,7m² nằm 01 phần trong diện tích chung 2.030m², thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 7. Đồng thời bà yêu cầu bà Th, ông T bồi thường cho bà giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 trị giá bằng 1.040.000 đồng, tổng cộng bằng 1.520.000 đồng để bà sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020 đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T cùng trình bày:

Vào năm 2000 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất 340m² thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh của bà Huỳnh Thị L (chết năm 2016) với giá 05 chỉ vàng 24 kra. Việc chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay chưa làm thủ tục sang tên và đất còn do bà Huỳnh Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này hiện các con của bà L không có tranh chấp với vợ chồng bà.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị YL trình bày:

Tôi là con ruột của bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T, tôi thống nhất với ý kiến của cha, mẹ tôi và có ý kiến giống như bà Th, ông T; tùy cha, mẹ tôi quyết định, tôi không có ý kiến gì trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh V trình bày:

Anh là con ruột của bà Huỳnh Thị L sinh năm 1940 (chết năm 2016) và mẹ anh chỉ có 01 mình anh là con duy nhất. Trong hộ khẩu của gia đình anh gồm: anh, vợ anh là Lê Thị T E và con ruột Trần Vũ Th.Theo anh được biết vào năm 2000 mẹ ruột anh là bà Huỳnh Thị L có chuyển nhượng diện tích 340m² thuộc thửa 205, tờ bản đồ 07, đất tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho vợ chồng bà Th, ông T với giá 05 chỉ vàng 24kr, Việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay và chưa làm thủ tục sang tên. Hiện nay bà Th và ông T đang cất nhà cấp ranh đất với bà Trần Thị D. Nay hai bên đang tranh chấp ranh với nhau, anh không có tranh chấp với vợ chồng ông T, bà Th về phần đất mà mẹ anh đã chuyển nhượng cho bà Th , ông T. Sau này nếu ông T, bà Th cần làm thủ tục sang tên thì anh đồng ý làm thủ tục cho ông T, bà Th đối với phần đất mà mẹ anh đã chuyển nhượng.

Tại bản tự khai cùng ngày 20/3/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T E và anh Trần Vũ Th trình bày:

Chúng tôi là vợ và là con của ông Trần Thanh V, chúng tôi không có tranh chấp phần đất của bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị L vào năm 2000. Việc tranh chấp ranh đất giữa bà D và vợ chồng bà Th, ông T chúng tôi không có ý kiến gì trong vụ án này.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hoàng H, anh Đỗ Minh Ph, chị Đỗ Thị Kim L tại bản tự khai cùng ngày 20/3/2020 trình bày:

Chúng tôi là con của bà Trần Thị D, mẹ chúng tôi có diện tích đất 2.030m²,thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 7, loại đất thổ - quả; tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do mẹ chúng tôi là bà Trần Thị D đại diện Hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Kề bên thửa đất 207 là thửa đất số 205 của bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị L đang sử dụng và bà Th ông T đã lấn ranh qua thửa đất 207 bên phần của mẹ chúng tôi bà D đang sử dụng diện tích thực đo bằng 13,7m² . Đồng thời vợ chồng bà Th, ông T xô ngã 03 trụ đá và làm hư hỏng 01 hàng rào lưới B40 của mẹ chúng tôi là bà Trần Thị D.

Nay chúng tôi thống nhất để cho mẹ chúng tôi là bà Trần Thị D đại diện gia đình khởi kiện bà Th, ông T yêu cầu trả lại đất lấn chiếm thực đo bằng 13,7m² và bồi thường cho bà D giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 giá trị bằng 1.040.000 đồng để bà D sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thành C trình bày:

Tôi là chồng của bà D, tôi thống nhất ý kiến của bà D và tôi có ý kiến giống ý kiến của bà D.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 207 của bà Trần Thị D (có đối chiếu đúng bản gốc); 01 bộ hồ sơ hòa giải xã Hùng Hòa (Bản gốc); 01 sổ hộ khẩu gia đình tên Trần Thị D và 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thị D (photo); Bị đơn bà Nguyễn Thị Th cung cấp 01 giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 205 giữa bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và bà Huỳnh Thị L (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Huỳnh Thị L (Có đối chiếu đúng với bản gốc).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Không có.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Trần Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thiệt, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL trả lại diện tích đất lâm chiếm 13,7m² nằm 01 phần trong diện tích chung 2.030 m², thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị D đại diện Hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời bà D yêu cầu bà Th ông T bồi thường cho bà D giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 giá trị bằng 1.040.000 đồng, tổng cộng bằng 1.520.000 đồng để bà sử dụng.

Bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T không hợp tác tham gia các cuộc hòa giải, không đồng ý trả đất và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà Trần Thị D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL trả lại diện tích 13,7m² nằm 01 phần trong thửa 207, loại đất thổ- quả; tọa tờ bản đồ số 07, loại đất thổ - quả; tọa tại ấp Hòa Thành, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho Hộ bà Trần Thị D sử dụng,

Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T bồi thường cho bà Trần Dùng 03 trụ đá trị giá 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 trị giá 1.040.000 đồng. Tổng cộng bằng 1.520.000 đồng.

- Về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, căn cứ Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T, chị Triệu Thị YL, ông Đỗ Thành C, anh Đỗ Hoàng H, anh Đỗ Minh Ph, chị Đỗ Thị Kim L; anh Trần Thanh V, chị Lê Thị T E, anh Trần Vũ Th đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung*: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Trần Thị D vẫn giữ yêu cầu bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL trả lại diện tích đất lấn chiếm $13,7m^2$ nằm 01 phần trong diện tích chung $2.030m^2$, thuộc thửa 207, loại đất thổ - quả; tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị D đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời bà D yêu cầu bà Th ông T bồi thường cho bà D giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 giá trị bằng 1.040.000 đồng tổng cộng bằng 1.520.000 đồng để bà sử dụng. Đồng bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Theo kết quả cung cấp thông tin của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần vào ngày 31/7/2020 thì diện tích đất tranh chấp là $13,7m^2$. Phần diện tích đất $13,7m^2$ thuộc thửa 207 nằm 01 phần trong diện tích chung $2.030m^2$ theo tư liệu năm 1991 được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ bà Trần Thị D sử dụng.

Qua khảo sát thực tế hai thửa đất 205, 207 và Theo công văn trả lời số: 1283/CNHTC - KTĐC ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần thì Hộ bà Trần Thị D sử dụng thửa 207 có diện tích $2030m^2$. Phần thực đo theo hiện trạng sử dụng thực tế của thửa 207 có diện tích $2.092m^2$ tính luôn phần diện tích đất tranh chấp $13,7m^2$. Như vậy phần diện tích đất thực đo của thửa 207 và diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng tăng diện tích là $62,8m^2$. Nguyên nhân tăng là do đo đạc lại theo hiện trạng sử dụng. Còn phần diện tích đất của thửa 205 được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị L có diện tích được cấp $340m^2$, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là $413,7m^2$ nên hiện trạng thửa đất 205 sử dụng đất tăng $73,7m^2$. Nguyên nhân tăng là do đo đạc lại theo hiện trạng sử dụng.

Như vậy, cho thấy việc sử dụng thực tế diện tích đất đều tăng so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời diện tích đất tranh chấp $13,7m$ nằm trong thửa 207 nên ông Triệu Quang T và bà Nguyễn Thị Th có lấn chiếm đất của bà Trần Thị D đang sử dụng.

[4]. Việc bà Trần Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 chiều dài 13,7m, cao 2m có giá trị bằng 1.040.000 đồng là có cơ sở, bởi vì:

Khi Đoàn cưỡng chế thi hành án và chính quyền địa phương đến cưỡng chế cưa cây dừa theo bản án số: 14/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và hai bên giữa bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T có cặm ranh bằng trụ đá và kéo hàng rào lưới B40 thẳng hàng theo như thỏa thuận, nhưng khi Đoàn cưỡng chế thi hành án và chính quyền địa phương ra về thì bà Th tự ý xô ngã 03 trụ đá kéo theo hàng rào lưới B40 ngã xuống mương. Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 6 năm 2022 ông Lê Văn Th công an viên ấp Hòa Thành, xã Hùng xác nhận bà D có điện thoại trình báo chính quyền địa phương biết sự việc này và ngày hôm sau khi ông đi ngang qua nhà bà D nhìn thấy hàng rào có bị ngã nhưng không có lập biên bản. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần thì bà Th thừa nhận do bà cho rằng bà D lấn chiếm đất của bà nên tự ý xô ngã gãy 03 trụ đá và 01 hàng rào lưới B40 của bà Trần Thị D cặm ranh. Tại biên bản thẩm định và định giá ngày 12/3/2020 xác định 03 trụ đá và 01 hàng rào lưới B40 có chiều dài 13,7m bị ngã xuống mương hư hỏng nặng không còn giá trị sử dụng và bà D cung cấp hóa đơn mua 03 trụ đá có giá 160.000 đồng/cây bằng 480.000 đồng, 01 hàng rào lưới B40 chiều dài 13,7m có giá 1.040.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với giá trị thực tế nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của bà D.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL trả lại diện tích đất lấn chiếm bằng 13,7m² nằm 01 phần trong thửa 207, tờ bản đồ số 07 loại đất thổ - quả, tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho Hộ bà Trần Thị D sử dụng và bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 chiều dài 13,7m, cao 02m trị giá bằng 1.040.000 đồng, tổng cộng bằng 1.520.000 đồng cho bà Trần Thị D.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc Bị đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá*: Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T, chị Triệu Thị YL phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 93, 147, 157 và Điều 165 và Điều 228, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 588, 589 của Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 17, 166, 203, của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL trả lại diện tích đất 13,7m² (Phần A theo sơ đồ) nằm 01 phần trong thửa 207, tờ bản đồ số 07 loại đất thổ - quả; tọa lạc tại ấp Hòa Th, xã Hùng H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho Hộ bà Trần Thị D sử dụng, đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 205 có số đo 13,7m;
- Hướng Tây nằm 01 phần trong thửa 207 có số đo 13,9 m;
- Hướng Bắc giáp thửa 208 có số đo 1,1m;
- Hướng Nam giáp thửa 206 có số đo 0,9m.

Tổng cộng bằng 13,7m²

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Triệu Quang T phải có nghĩa vụ bồi thường trị giá 03 trụ đá bằng 480.000 đồng và 01 hàng rào lưới B40 chiều dài 13,7m, cao 02m trị giá bằng 1.040.000 đồng, tổng cộng bằng 1.520.000 đồng (*Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) cho bà Trần Thị D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông Triệu Quang T là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 nên ông Triệu Quang T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Th còn phải nộp 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chị Triệu Thị YL còn phải nộp 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

Bà Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.678.000 đồng: Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Triệu Quang T và chị Triệu Thị YL phải chịu 1.678.000 đồng để trả lại cho bà Trần Thị D (Vì bà D đã nộp tạm ứng trước số tiền này và được chi xong).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã tuyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Ngoan